

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2021

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Huệ
2. Ông Nguyễn Văn Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1986. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Malaysia. Vắng mặt.

Người nhận tài liệu theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1957 và bà Ma Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày: Chị H và anh T kết hôn ngày 21/6/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Trước khi kết hôn chị và anh T có quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2008, thời điểm đó chị và anh T đang cùng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Năm 2011 chị và anh T kết hôn, sau khi kết hôn chị sang Malaysia theo diện xuất khẩu lao động, còn anh T thì 01 năm sau anh mới sang Malaysia cùng chị, cũng theo diện xuất khẩu lao động.

Đến tháng 2/2015 chị về Việt Nam, tháng 6/2015 chị H sinh con là cháu Hoàng Gia B. Khi chị về Việt Nam thì anh T vẫn tiếp tục xuất khẩu lao động tại Malaysia, đến tháng 8/2017 anh T mới về Việt Nam và vợ chồng sống chung cùng bố, mẹ anh T tại thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách giữa chị H và anh T không hợp nhau.

Đến tháng 12/2017, chị H về quê tại thôn Nthị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (là quê của chị) để sinh sống. Còn anh Thủy vẫn sống cùng bố mẹ tại thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Từ thời điểm này vợ chồng chị chính thức sống ly thân, anh T không về Thanh Hóa để thăm chị H và con lần nào, và khi chuyển về Thanh Hóa chị cũng đã cắt hộ khẩu của chị và con về Thanh Hóa.

Đến tháng 8/2018 thì anh T đi xuất khẩu lao động Malaysia. Trong thời gian anh T lao động ở Malaysia anh T đã có mối quan hệ tình cảm với người khác nên đến khi anh T về Việt Nam anh T không quan tâm đến chị H và con, tình cảm dần xa cách. Trong suốt quá trình chị ở Việt Nam sinh con anh T cũng không gửi tiền cho chị để nuôi con. Từ khi chị chuyển về Thanh Hóa sinh sống, chị cũng chưa lần nào về xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và anh T cũng chưa lần nào vào Thanh Hóa thăm chị và con, giữa chị và anh T cũng không liên lạc với nhau.

Đến tháng 02/2019 chị có liên lạc với anh T để yêu cầu anh gửi các giấy tờ để chị làm thủ tục ly hôn. Nay chị xác định đời sống vợ chồng không thể hòa hợp được. Vì vậy, chị làm đơn xin ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một người con trai họ và tên: Hoàng Gia B, sinh ngày 17/06/2015, hiện con đang ở với chị và cháu đang học tại trường Tiểu học N - Thị trấn Q - huyện Y - tỉnh Thanh Hóa. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Hiện nay do tình hình dịch bệnh chị đang làm trong công ty giày da tại tỉnh Thanh Hóa nên không thể đi lại ra ngoài tỉnh được vì vậy chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, các phiên tòa xét xử tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị với anh T được, chị có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa.

Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Malaixia, quá

trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, anh T đã nhận được thông báo về các yêu cầu khởi kiện của chị H. Tuy nhiên, bị đơn cho biết hiện nay do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, anh T làm việc tại khu công nghiệp, không được tiếp xúc với bên ngoài và cũng không thể gửi ý kiến của mình bằng văn bản gửi về cho Tòa án được. Thông qua mạng xã hội, Tòa án đã gọi điện trực tiếp bằng Facebook cho anh T. Tại buổi làm việc có sự tham gia của Kiểm sát viên và đồng thời tiến hành ghi âm, ghi hình, sau đó đoạn video ghi lại buổi làm việc đã được bố để anh T là ông Hoàng Văn K và trưởng thôn N xem và xác nhận đúng là anh Hoàng Văn T trong video. Toàn bộ nội dung buổi làm việc với anh T đã được lập thành văn bản, nội dung thể hiện:

Anh T trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 21/6/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Ma-Lai-Xi-A, đến nay đã là 4 lần. Về tình cảm: Cuộc sống vợ chồng ở với nhau thì ít, do đi làm ăn xa mỗi người một nơi, hai người không có mâu thuẫn mấy chủ yếu với gia đình. Nay chị H muốn ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Giữa anh và chị H có một con chung là cháu Hoàng Gia B-sinh năm 2015, hiện nay con đang ở với chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng nhất trí

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh hiện nay và anh cũng đang đi làm ở khu công nghiệp nên cũng không thể về Việt nam để giải quyết vụ án, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh ủy quyền cho bố mẹ anh là ông Hoàng Văn K và bà Ma Thị T nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H, anh Hoàng Văn T vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 51, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B sinh ngày 17/06/2015 cho chị Lê Thị

H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản: không có nên không xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có bị đơn là anh Hoàng Văn T hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (MaLayxia). Do vậy theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Hoàng Văn T đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau từ năm 2011, trước khi kết hôn anh chị có sự tìm hiểu hai người quen biết nhau từ năm 2008 khi cả hai đang đi lao động xuất khẩu ở nước Malaysia đến năm 2011 thì kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu vẫn hạnh phúc. Đến năm 2015 chị H về Việt nam sinh con, anh T vẫn sinh sống ở MaLayxia đến tháng 8/ 2017 thì anh T mới về Việt Nam và khi đó hai anh chị sống chung cùng bố mẹ bên anh T tại thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian vợ chồng chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cả hai cho rằng tính cách không hợp nhau. Vì vậy, tháng 12/2017 chị H đã đưa cả con chung chuyển về quê tại thôn N, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (là quê của chị) để sinh sống và đồng thời chuyển hộ khẩu đi theo về quê Thanh Hóa. Hai người chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Kể từ khi chị H và con chuyển đi cả hai anh chị không ai hỏi thăm nhau và cũng không liên lạc với nhau bao giờ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn và anh cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa chị H với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 17/06/2015 hiện nay cháu B đang sinh sống cùng với mẹ. Ly hôn chị Hyêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng nhất trí với yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với thực tế hiện anh T vẫn đang sinh sống và lao động ở MaLayxia nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị H và anh T đều thống nhất hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm chi phí dịch thuật và chi phí tổng đạt

[7] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí vụ kiện

Vì các lý lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, 82, 83,84 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 17/06/2015 cho chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Hoàng Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm non con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí dịch thuật và chi phí tổng đạt với số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Chị Lê Thị H được trả lại các khoản tiền tạm ứng đã nộp gồm: số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) tại biên lai thu số 09200 ngày 23/11/2020 và số tiền 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 02051 ngày 23/11/2020 và số tiền 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 02113 ngày 14/7/2021 và số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) tại biên lai thu số 02112 ngày 14/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn với số tiền: 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 09164 ngày 01/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, xác nhận chị H đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2);
- Các đương sự (3);
- THADS (1);
- Phòng KTNV (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hường